TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **165**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2024
V/v Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Loan.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc Xuân.
2. Bà Lâm Thị Thu.

Thư ký phiên tòa: *Ông Lê Chí Đông - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh: *Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.*

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 595/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về Tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 595/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Văn T, sinh năm: 1977. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 2, khu phố C, phường P, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim K, sinh năm: 1978. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: D H (Hẻm B), ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2023, Bản tự khai ngày 26/02/2024, Bản tự khai ngày 05/3/2024, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/4/2024, Nguyên đơn ông Lâm Văn T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim K tự nguyện chung sống từ năm 1998, do tự tìm hiểu, không có tổ chức đám cưới và cũng không có đi đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có yêu thương chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau trong gia đình, vợ chồng không tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã.

Đến cuối năm 2003 thì cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn và không thể nào hàn gắn lại được, ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim K. Đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 (Một) con chung đã trưởng thành tên: Lâm Bảo L (N), sinh ngày: 12/5/1999.

Về tài sản chung: Ông Lâm Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lâm Văn T xác định không có.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Kim K xác nhận quá trình chung sống và có con chung như ông Lâm Văn T trình bày là đúng. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, cải vã vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy không còn tình cảm với nhau nên bà Nguyễn Thị Kim K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Lâm Văn T.

Về con chung: Có 01 (Một) con chung đã trưởng thành tên: Lâm Bảo L (N), sinh ngày: 12/5/1999.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim K xác định không có.

Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và có đơn xin vắng mặt tại phiên toà.

- Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm: Phiên toà được mở đúng thời gian, địa điểm, Hội đồng xét xử đúng thành phần. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa ông Lâm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim K không được pháp luật công nhận là vợ chồng để giải quyết cho ly hôn mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lâm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện của ông Lâm Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bà Nguyễn Thị Kim K có nơi cư trú tại huyện N, Tp ., do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Lâm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 02/4/2024, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lâm Văn T.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim K có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 02/4/2024, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim K.

[3] Về yêu cầu của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Lâm Văn T xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim K với lý do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2001 đến nay mà không cải thiện được. Trong quá trình chung sống, cả hai nhiều lần bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã khiến cho cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, sau đó cả hai đã sống ly thân hơn hai mươi năm nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Lâm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim K chung sống với nhau từ năm 1998, do tự tìm hiểu, không có tổ chức đám cưới và cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì:

"*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì:

"*1. N, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này."*

Đối chiếu với những quy định trên, Hội đồng xét xử xét thấy do quan hệ giữa ông Lâm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim K không được pháp luật thừa nhận, vì vậy Hội đồng xét xử cần tuyên bố ông Lâm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim K không phải là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 (Một) con chung đã trưởng thành tên: Lâm Bảo L (N), sinh ngày: 12/5/1999.

Về tài sản chung: Ông Lâm Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lâm Văn T xác định không có.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Lâm Văn T phải nộp được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2023/0007517 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè. Ông Lâm Văn T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

1/ Xét xử vắng mặt ông Lâm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim K.

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lâm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim K.

- Về con chung: Có 01 (Một) con chung đã trưởng thành tên: Lâm Bảo L (N), sinh ngày: 12/5/1999.

- Về tài sản chung: Toà án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lâm Văn T xác định không có.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Lâm Văn T phải nộp được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2023/0007517 ngày 18/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè. Ông Lâm Văn T đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TANDTP-VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thanh Loan